

Bản án số: 56/2023/HSPT
Ngày 29 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuân và bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lý Đình Kiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo: Vũ Xuân P, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

VŨ XUÂN P, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1987; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Ngọc B, sinh năm 1958 và bà: Vũ Thị T, sinh năm 1957; Vợ: Vũ Thị T1, sinh năm 1987, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3763/QĐ-XPHC ngày 28/11/2022 của Công an thành phố T, xử phạt Vũ Xuân P 4.000.000 đồng về hành vi “Mua tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có”.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang tại ngoại tại địa phương.
(Có mặt tại phiên tòa)

Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập:

1) Trương Đức T2, tên gọi khác: không, sinh năm 1991, tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: xóm S, xã H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở: tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

2) Nguyễn Quang N, tên gọi khác: Không, sinh năm 1996, tại Thái Nguyên; Nơi thường trú: Xóm L, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2022, Trương Đức T2 và Nguyễn Quang N là đối tượng nghiện, không có nghề nghiệp nhiều lần sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh biển kiểm soát 20F4-6829 thực hiện các vụ cướp giật tài sản là điện thoại di động của những người đi đường. Sau khi cướp giật được tài sản đều tháo sim vứt đi và liên hệ bán điện thoại cho Vũ Xuân P lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng, cụ thể các lần cướp giật như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ ngày 15/4/2022, Trương Đức T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh, BKS: 20F4-6829 chở Nguyễn Quang N ngồi sau. Khi đi đến đoạn đường rẽ vào trường Trung học phổ thông C1 thuộc tổ B, phường T, thành phố T thấy chị Nguyễn Thị Phương D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, màu xanh, BKS 20FA-3210 trên lưng có đeo 01 ba lô màu xanh, ngăn bên sườn trái có để 01 điện thoại di động để hờ lên trên ngăn đựng. Thấy vậy, T2 tăng ga xe vượt lên và áp sát xe của chị D từ bên trái, N ngồi sau dùng tay giật chiếc điện thoại trên của chị D, sau đó, T2 tăng ga xe bỏ chạy, N ngồi sau tháo sim trong điện thoại vứt đi và dùng điện thoại của T2 gọi cho Vũ Xuân P hẹn gặp ở bờ hồ H để bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR vừa cướp giật cho P, sau khi kiểm tra điện thoại, P biết điện thoại trên là tài sản do T2 và N phạm tội được mà có nên đồng ý mua với giá là 1.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 220/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu vàng, số IMEI: 35735109844841, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 15/4/2022 giá trị là 4.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/4/2022, sau khi cùng nhau sử dụng ma túy, T2 điều khiển xe mô tô BKS 20F4 -6829 chở N ngồi sau, khi đi đến khu vực thuộc tổ A, phường Q, thành phố T thì thấy chị Phạm Thị N1 đang điều

khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, màu trắng, biển kiểm soát: 12K2-4376 đi cùng chiều. Quan sát trên lưng chị N1 có đeo 01 ba lô màu xanh, ở ngăn nhỏ ngoài cùng phía bên trái của ba lô có để 01 chiếc điện thoại di động hở ra ngoài. Thường tăng ga áp sát phía bên trái xe chị N1, rồi N dùng tay phải giật chiếc điện thoại của N1, thấy N lấy được điện thoại, T2 tăng ga bỏ chạy, N ngồi sau tắt nguồn điện thoại rồi tháo sim vứt ra đường và sử dụng điện thoại của T2 gọi điện hẹn Vũ Xuân P ra bờ hồ H, thành phố T để bán điện thoại cho P, sau khi kiểm tra điện thoại, biết điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max là tài sản do T2 và N phạm tội được mà có nên P đồng ý mua với giá là 1.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 229/KL-HĐĐGTS ngày 30/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, bản quốc tế, màu đen, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 16/4/2022 giá trị 8.190.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 13 giờ ngày 18/4/2022, T2 điều khiển xe mô tô BKS 20F4 -6829, khi đi đến cầu H thuộc tổ A, phường T, thành phố T thì thấy chị Nguyễn Thị N2 đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Cube, màu trắng, BKS 20AA-06550 đi từ phía xã H sang trung tâm thành phố T. Quan sát chị N2 cầm điện thoại di động để gọi điện, T2 điều khiển xe đi theo, khi chị N2 gọi điện xong và đang cho điện thoại vào ngăn bên sườn trái của balo để cất thì bị T2 tăng ga, áp sát bên trái và dùng tay giật chiếc điện thoại trên của chị N2 rồi tăng ga bỏ chạy. Trên đường bỏ T2 thường đã tắt nguồn điện thoại, tháo và vứt vỏ ốp, sim điện thoại đi sau đó T2 gọi điện cho P ra bờ hồ H, thành phố T để bán điện thoại cho P, sau khi xem điện thoại, P biết điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng là do T2 phạm tội mà nên đồng ý mua với giá là 1.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 235/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, dung lượng 32GB, số IMEI: 359190070025057, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 18/4/2022 giá trị 3.500.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 24/4/2022, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20F4-6829, khi đi đến đoạn ngã tư đèn xanh, đèn đỏ giao giữa đường H và đường Cách mạng tháng 8 thì thấy chị Trần Thị Hồng Q đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, BKS 20F1-630.04 đang đi hướng từ đường tròn trung tâm thành phố T đi G. Quan sát trên lưng chị Q đeo 01 ba lô màu đen, ngăn bên sườn trái của ba lô có để 01 điện thoại di động để hở lên trên so với ngăn đựng, T2 đã điều khiển đi theo chị Q để đợi lúc nào vắng người sẽ thực hiện hành vi cướp giật điện thoại của chị Q. Khi đi đến khu vực ngã

3 đoạn rẽ vào đường đi đập B thuộc phường G, thành phố T, thấy vắng người nên T2 đã tăng ga áp sát bên trái xe của chị Q rồi dùng tay giật chiếc điện thoại của Q, sau đó tăng ga bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy, T2 đã tháo vớt vỏ ốp lưng, sim điện thoại đi, trong ốp lưng điện thoại có tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, đồng thời Thường tắt nguồn điện thoại và gọi điện cho P ra bờ hồ H, thành phố T để bán điện thoại cho P, sau khi xem điện thoại nhãn hiệu Iphone 11, P biết điện thoại là do T2 phạm tội mà nên đồng ý mua với giá là 1.700.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 236/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, bản Lock, màu đen, dung lượng 64GB, số IMEI: 356555109136013, thời điểm định giá ngày 24/4/2022 giá trị 6.590.000 đồng.

Vụ thứ 05: Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 26/4/2022, T2 điều khiển xe mô tô đi đến khu vực đầu cầu G, thành phố T nhìn thấy chị Chu Thúy N3 đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đi cùng chiều, trên lưng có đeo 01 chiếc ba lô màu đen, trong ngăn bên phải của chiếc ba lô có để một chiếc điện thoại màu trắng thò ra ngoài. T2 đã đi theo để tìm cơ hội cướp giật tài sản của chị N3, khi đi đến khu vực đoạn đường thuộc tổ B, phường Q, thành phố T thì điều khiển xe vượt lên bên phải xe của chị N3 dùng tay trái giật chiếc điện thoại và phóng xe bỏ chạy. Sau đó, T2 gọi điện cho P ra bờ hồ H, thành phố T để bán điện thoại cho P, trong lúc chờ T2 tháo vỏ ốp điện thoại vớt đi thấy có tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng đã cất đi, P biết điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Thường mang bán cho là tài sản do T2 phạm tội mà có nên đồng ý mua với giá 1.800.000 đồng. Sau khi về, T2 thấy P mua điện thoại trên với giá rẻ nên đã gọi điện lại cho P để đòi thêm tiền. P đồng ý và đã chuyển khoản qua tài khoản cho T2 số tiền 200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 237/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, dung lượng 128GB, số IMEI 352682653319094, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 26/4/2022 giá trị 12.915.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 16 giờ ngày 03/5/2022, T2 điều khiển xe mô tô chở N khi đi đến khu vực đường tròn thành phố T thấy anh Nguyễn Quốc T3 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Cube, màu đen chở chị Đồng Thị Ngọc Q1 có đeo 01 ba lô sau lưng, ngăn ngoài bên sườn trái Q1 có để 01 điện thoại di động màu đen, hờ ra ngoài nên T2 điều khiển xe đi theo. Khi đi đến trước cửa hàng S thuộc tổ B, phường H, thành phố T tăng ga đi lên và áp sát phía bên trái xe của chị Q1 còn N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại trong ba lô của chị Q1, thấy lấy được điện thoại Thường tăng ga bỏ chạy, N ngồi sau tắt nguồn điện thoại, tháo vỏ ốp

lung và sim vớt ra đường. N sử dụng điện thoại của T2 gọi điện hẹn Vũ Xuân P ra bờ hồ H, thành phố T để bán điện thoại cho P, sau khi kiểm tra điện thoại, P biết điện thoại Samsung A50 trên là tài sản do T2 và N phạm tội được mà có nên đồng ý mua với giá là 1.300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 238/KL-HĐĐGTS ngày 06/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, màu đen, số IMEI 1: 357964100090162, số IMEI 2: 357965100090169, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 03/5/2022 giá trị 1.750.000 đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 16 giờ ngày 04/5/2022, T2 điều khiển xe mô tô chở N ngồi sau, khi đi đến khu vực ngã tư giao nhau giữa đường V và đường H thấy chị Dương Thu H điều khiển xe mô tô đang đi về hướng đi bên xe mới có đeo 01 ba lô sau lưng, ngăn ngoài bên sườn trái có để 01 điện thoại di động màu xanh hờ ra ngoài nên T2 điều khiển xe đi theo. Khi đi đến đoạn đường thuộc tổ A, phường Đ, thành phố T thấy vắng người Thường tăng ga đi lên và áp sát phía bên trái xe chị H còn N dùng tay phải giật chiếc điện thoại trong ba lô của chị H, thấy N lấy được điện thoại, T2 tăng ga bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy, N đã tháo vỏ ốp lưng, sim điện thoại vớt đi và lấy điện thoại của T2 gọi điện hẹn Vũ Xuân P ra bờ hồ H, thành phố T để bán điện thoại cho P, sau khi kiểm tra điện thoại, P biết điện thoại nhãn hiệu Vsmart là tài sản do T2 và N phạm tội được mà có nên đồng ý mua với giá là 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 239/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, màu xanh, số IMEI: 356744100060005, số IMEI 2: 356744100060014, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 04/5/2022 giá trị 858.000 đồng

Ngoài các vụ cướp giật tài sản trên, khoảng 19 giờ ngày 14/4/2022 Trương Đức T2 điều khiển xe mô tô trên đường quan sát có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt, khi đi đến cửa hàng B1 ở khu vực tổ A, phường T, thành phố T thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda vision, màu trắng sau xác định là xe của chị Trương Thị Thúy Đ dựng ở quầy bán hàng trong hộc để đồ của xe máy có 01 điện thoại di động, T2 quan sát thấy chị Đ mãi chọn đồ, không để ý và đứng cách chiếc xe máy khoảng 01 mét nên dùng tay phải lấy điện thoại để trong hộc để đồ bên trái xe rồi tăng ga bỏ đi, sau đó liên hệ bán điện thoại, Vũ Xuân P biết điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus do T2 phạm tội mà có nên mua với giá 800.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 227/KL-HĐĐGTS ngày 28/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng số IMEL 3533310737736813,

dung lượng 16GB, đã qua sử dụng thời điểm định giá ngày 14/4/2022 giá trị 1.800.000 đồng

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra khám xét và thu giữ của các bị cáo:

Thu giữ tại giường trong phòng bếp nhà Nguyễn Quang N: 01 mũ lưỡi trai bằng vải màu đen, trên mũ có chữ “TS” đã qua sử dụng; 01 quần bò dài màu xanh, trên đai quần có chữ “DSQUAREDZ” đã qua sử dụng; 01 áo khoác dài tay màu đen, sau lưng áo có hình hoa văn đầu sói, đã qua sử dụng.

Thu giữ của Trương Đức T2 tại tổ A, phường T, thành phố T 01 quần dài, vải thể thao màu đen đã qua sử dụng, tại nơi ở của T2 tại xóm S, xã H, thành phố T, phát hiện, thu giữ: 01 quần sooc màu trắng, đen, 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu OSAKAR màu xám, không có kính chắn gió đã qua sử dụng.

Thu giữ tại nơi ở của Vũ Xuân P: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XR, màu vàng, dung lượng 128G đã qua sử dụng.

Hồi 14 giờ 30 ngày 04/5/2022 Cơ quan điều tra đến làm việc tại cửa hàng mua bán điện thoại của P để xác định việc mua tài sản của T2, đến 15 giờ 40 phút cùng ngày Vũ Xuân P đã giao nộp các điện thoại di động đã qua sử dụng và xác định các tài sản đều mua của T2 và N gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V15, màu đỏ, số Imei 1: 863481049892878, số Imei 2: 863481049892860, bên trong lắp sim số thuê bao 0332.459.046; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng, dung lượng 128GB, số IMEI 352682653319094; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A50 màu đen; số Imei 1: 357964100090162; Imei 2: 357964100090169; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vs Mart, màu xanh, số Imei 1: 356744100060005, Imei 2: 356744100060014, dung lượng 128GB; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu vàng, Số Imei 353331073736813, dung lượng 16GB, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei 359190070025057, dung lượng 32 GB; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu vàng, số Imei 355337085843511, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, số Imei 355679074030711, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A50, màu đen, số Imei 1: 356646101868966, số Imei 2: 356646101868964, dung lượng 64GB; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng, số Imei 359187071407789, đã qua sử dụng

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo: Vũ Xuân P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân P 21 (hai mươi một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Căn cứ Điều 109, Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự, C đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo P 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng; án phí và thông báo quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định.

Ngày 22/3/2023, bị cáo Vũ Xuân P kháng cáo xin hưởng án treo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo có xuất trình thêm tài liệu đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Bản án số 56 ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, huân huy chương kháng chiến của ông Vũ Như U' (ông nội bị cáo P), huân huy chương kháng chiến của ông Vũ Ngọc B (bố đẻ bị cáo P), giấy chứng nhận thương binh của ông Vũ Ngọc B, kỉ niệm chương của ông Vũ Như U', Huy hiệu 60 năm tuổi đảng của ông Vũ Như U'.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định của pháp luật, mức hình phạt 21 tháng tù là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật. Bị cáo có đơn xin hưởng án treo, bố đẻ và ông nội của bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến.

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp hết số tài sản do phạm tội mà có nhằm khắc phục hậu quả nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Năm 2022 bị cáo bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính nhưng quyết định xử phạt hành chính đó không bị coi là tiền sự. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, thì có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân P, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản b khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Trong phần tranh luận, bị cáo P đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm mở lượng khoan hồng, cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Xét đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân P gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do không có nghề nghiệp, cần tiền để sử dụng và tiêu xài cá nhân, sử dụng ma túy nên trong khoảng thời gian tháng 4 và tháng 5 năm 2022 Trương Đức T2 thường xuyên điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu xanh, biển kiểm soát: 20F4 -6829 một mình hoặc chở Nguyễn Quang N đi quanh thành phố T xem có ai có tài sản thì cướp giật. Thường đã thực hiện 07 vụ cướp giật tài sản của người đi đường, trong đó có 04 vụ thực hiện cướp giật cùng N. Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình và cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo Trương Đức T2 06 (sáu) năm tù và bị cáo Nguyễn Quang N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo.

Đối với hành vi của bị cáo Vũ Xuân P được thể hiện: Sau khi thực hiện xong các vụ cướp giật trên, T2, N liên hệ và hẹn Vũ Xuân P ra bờ hồ H ở phường G, thành phố T để bán tài sản, P biết các tài sản trên đều do T2 và N phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua để bán lại kiếm lời. Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Xuân P đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân P về việc xin hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Xét mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Vũ Xuân P 21 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về biện pháp cải tạo, cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp tù có thời hạn là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Bởi lẽ:

Xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình xét xử bị cáo đã tỏ ra ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Bị cáo có bố đẻ là ông Vũ Ngọc B là thương binh, được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; ông nội bị cáo là ông Vũ Như U được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; Bị hại Dương Thu H có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện giao nộp hết số tài sản do phạm tội mà có nhằm khắc phục hậu quả nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, trong vụ án này bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện khắc phục hậu quả). Bị cáo được hưởng 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự (là bị cáo có bố đẻ là thương binh; bố đẻ và ông nội của bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bị hại Dương Thu H có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tự nguyện chấp hành nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm).

Bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét về các điều kiện cho hưởng án treo theo nội dung kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân P thấy:

Bị cáo có đủ các điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 của Văn bản số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về các Nghị quyết hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về hưởng án treo. Trong vụ án này, mặc dù bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Nhưng bị cáo có số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, xét việc bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, nhưng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 3 của văn bản hợp nhất các Nghị quyết hướng dẫn áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự về hưởng án treo thì các lần phạm tội của bị cáo đều là tội ít nghiêm trọng và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo.

Từ những phân tích trên thấy nội dung kháng cáo của bị cáo là có căn cứ và cần được chấp nhận theo hướng sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt, chuyển biện pháp cải tạo cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối, nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Tuyên bố bị cáo: Vũ Xuân P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Xuân P **21** (Hai mươi một) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **42** (Bốn mươi hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vũ Xuân P cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Xuân P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu số 0000043 ngày 03/4/2023 tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Xuân P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2023/HSST ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND Thành phố Thái Nguyên;
- Công an Thành phố Thái Nguyên;
- VKSND Thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ích Yên

